

Thứ hai, ngày 30 tháng 8 năm 2021

Vietnam Daily Review

Hướng về ngưỡng 1330 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/8/2021		•	
Tuần 30/8-3/9/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nối tiếp nhịp hồi phục cuối tuần trước, thị trường tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư chảy lan tỏa vào thị trường khi có 16/19 nhóm ngành tăng điểm so với phiên trước với mũi nhọn tăng trưởng đến từ nhóm Y tế, Bảo hiểm và Tài nguyên cơ bản. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản thị trường gần như không đổi so với phiên trước,. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và HNX. Với xu hướng giao dịch tích cực như vậy, VN-Index có thể vận động trong vùng 1330-1350 trong các phiên giao dịch sắp tới.

Hợp đồng tương lai: Các hợp đồng đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: APH_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **+14.94** điểm, đóng cửa **1328.14**. HNX-Index **+2.51** điểm, đóng cửa **341.30**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.50)**; **CTG (+1.49)**; **HPG (+1.33)**; **TCB (+1.09)**; **BID(+0.81)**
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-1.05)**; **VIC (-0.64)**; **SAB(-0.23)**; **LGC (-0.06)**; **DPM(-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,163, tỷ đồng, -1.8%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,392 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 16.42 điểm. Thị trường có **334** mã tăng, 34 mã tham chiếu và **63** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-392.30** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-210.6 tỷ), MSN (-194.7 tỷ) và FUEVFNVD (-108.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-16.06** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1328.14**
Giá trị: 19809.67 tỷ **14.94 (1.14%)**
Khối ngoại (ròng): -392.3 tỷ

HNX-INDEX **341.30**
Giá trị: 2988.36 tỷ **2.51 (0.74%)**
Khối ngoại (ròng): -16.06 tỷ

UPCOM-INDEX **93.22**
Giá trị: 1794.4 tỷ **1.09 (1.18%)**
Khối ngoại(ròng): 13.3 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	67.8	-1.37%
Giá vàng	1,815	-0.14%
Tỷ giá USD/VND	22,797	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	26,895	0.06%
Tỷ giá JPY/VND	20,774	0.15%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	11.83%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	80.0	VNM	210.6
CTG	69.5	MSN	194.7
MBB	62.7	FUEVFNVD	108.8
SSI	41.2	PNJ	34.7
DGC	31.9	VIC	34,38
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
APH_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD rời rộng khoảng cách với đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: APH đang hình thành xu hướng hồi phục từ ngưỡng đáy 45.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu. Đồng thời, đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và MA50; báo hiệu xu hướng tăng giá tích cực. Chỉ báo RSI và MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 53.7, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 67.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 47.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

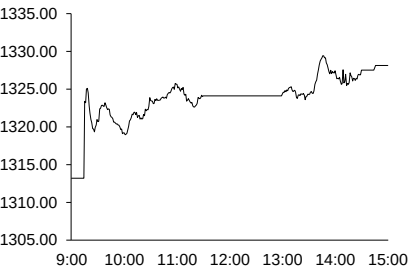
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	5.45%
Bảo hiểm	3.29%
Tài nguyên Cơ bản	2.42%
Xây dựng và Vật liệu	2.41%
Ô tô và phụ tùng	2.04%
Dịch vụ tài chính	1.89%
Ngân hàng	1.65%
Bán lẻ	1.41%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.90%
Hóa chất	0.83%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.75%
Du lịch và Giải trí	0.74%
Dầu khí	0.67%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.57%
Công nghệ Thông tin	0.48%
Bất động sản	0.21%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.13%
Truyền thông	-0.28%

Hình 1

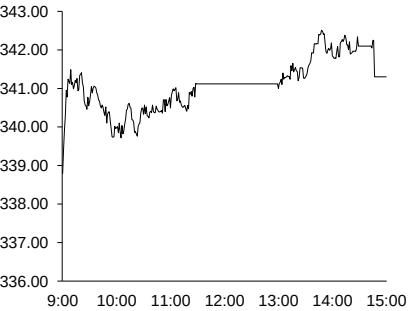
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
27/8/21	HBC	14.5	17	13.5	15.05	3	3.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	10.85	4	6.90%	Có thể tiếp tục mua
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	11.95	5	6.22%	Có thể tiếp tục mua
23/8/21	NRC	20.2	24	17.5	20.4	7	0.99%	Có thể tiếp tục mua
19/8/21	SCI	34.4	45	30	35.7	11	3.78%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	16.9	13	6.29%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	14	18	4.87%	Có thể tiếp tục mua
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	34.6	25	4.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
14/7/21	ACV	75	84	72	79.1	47	5.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

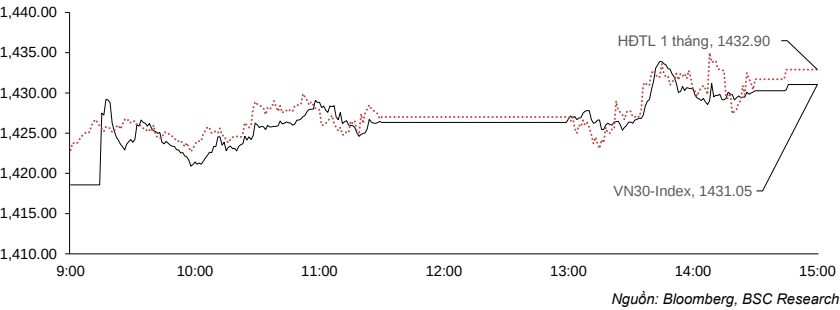
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%
20/8/21	NT2	19.4	22	19	SL	5	-2.06%
18/8/21	HAX	23.1	27	21	SL	6	-9.09%
16/8/21	FRT	42	54	38.5	SL	7	-8.33%
13/8/21	DBC	58	65.5	56.5	SL	12	-2.59%
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	SL	9	-6.73%
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	SL	13	-10.71%
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	TP	7	17.21%
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	TP	14	20.69%
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	SL	16	-4.40%
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	TP	14	20.40%
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	TP	14	22.17%
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
29/7/21	CTG	33.9	40	32	SL	27	-5.60%
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	SL	27	-5.08%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	0	4.76%	0.00%	4.76%	15
Cổ phiếu đã chốt	181	118	14.01%	-7.73%	5.43%	26

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2109	1432.90	0.91%	1.85	-45.2%	194,331	9/16/2021	19
VN30F2110	1431.30	0.94%	0.25	-2.6%	450	10/21/2021	54
VN30F2112	1428.20	0.58%	-2.85	-93.0%	29	12/16/2021	110
VN30F2203	1428.20	0.58%	-2.85	126.0%	113	3/17/2022	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +12.48 điểm lên 1431.05 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MSN, MWG, VPB, FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch tăng tích cực lên trên 1430 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

- Các hợp đồng đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2110, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2111	1/6/2022	129	5:1	1,589,500	38.09%	1,700	2,170	17.30%	1,023	2.12	56,500	48,000	48,700
CVRE2106	1/6/2022	129	2:1	677,100	39.18%	2,300	1,910	17.18%	1,187	1.61	39,500	28,000	27,200
CTCB2105	5/4/2022	247	5:1	290,300	41.21%	3,600	3,420	7.55%	1,889	1.81	63,000	45,000	49,200
CMWG2107	1/6/2022	129	5:1	292,100	34.92%	6,600	4,790	4.13%	70	68.08	198,000	165,000	110,600
CTCB2101	10/5/2021	36	1:1	37,000	41.21%	5,000	20,500	3.54%	18,345	1.12	36,000	31,000	49,200
CMBB2103	1/7/2022	130	1.48:1	99,100	39.64%	3,000	2,850	1.79%	608	4.69	53,000	47,000	28,400
CMWG2106	1/7/2022	130	10:1	131,600	34.92%	3,000	2,390	1.70%	12	197.68	210,000	180,000	110,600
CHPG2110	12/6/2021	98	5:1	473,700	38.09%	2,400	2,530	0.80%	1,368	1.85	56,000	44,000	48,700
CFPT2105	1/6/2022	129	4.95:1	402,900	32.65%	3,500	4,050	0.25%	2,402	1.69	103,500	86,000	92,200
CPNJ2104	1/7/2022	130	8:1	448,400	31.19%	2,400	850	0.00%	137	6.22	129,200	110,000	86,400
CVHM2107	1/6/2022	129	5:1	653,700	35.32%	3,900	2,870	-0.35%	1,674	1.71	129,500	110,000	106,900
CVNM2108	12/6/2021	98	10:1	181,400	26.20%	2,100	1,970	-1.50%	990	1.99	101,000	80,000	87,400
CVIC2105	1/6/2022	129	4.44:1	445,000	33.77%	3,250	1,810	-3.21%	1,897	0.95	136,250	120,000	94,100
CFPT2103	1/7/2022	130	5:1	359,900	32.65%	3,000	2,630	-4.01%	946	2.78	115,000	100,000	92,200
CNVL2102	9/27/2021	28	16:1	207,200	35.99%	1,100	1,290	-4.44%	5	261.13	107,608	94,636	104,000
CHPG2109	1/10/2022	133	1:1	49,700	38.09%	4,000	6,360	-4.65%	2,498	2.55	59,000	55,000	48,700
CSTB2105	1/10/2022	133	1:1	51,100	46.70%	4,000	5,240	-5.92%	2,485	2.11	34,000	30,000	27,900
CMSN2105	1/6/2022	129	5:1	746,800	38.88%	5,000	4,210	-7.27%	3,111	1.35	153,000	128,000	132,600
CMWG2104	3/22/2022	204	10:1	163,100	34.92%	2,400	5,100	-13.41%	477	10.69	159,000	135,000	110,600
CPNJ2105	1/6/2022	129	5:1	261,900	31.19%	3,300	1,630	-16.41%	742	2.20	26,000	9,500	86,400
Tổng				5,972,000	36.42%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

- CHPG2111 và CVRE2106 tăng mạnh lần lượt là 17.30% và 17.18% Trái lại, CMSN2106 và CVJC2102 giảm mạnh lần lượt là -24.34% và -20.38%. Giá trị giao dịch giảm -61.24%. CMSN2105có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.34% thị trường.

- CVIC2105, CTCB2101, CSTB2101, CMSN2101, và CMSN2105 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2101, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2101, và CMSN2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.6	1.2%	0.9	3,428	6.1	6,428	17.2	4.3	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	86.4	0.7%	1.0	854	2.9	5,812	14.9	3.4	49.0%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	55.0	3.0%	1.4	1,775	3.5	2,429	22.6	2.0	27.0%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	46.4	4.7%	0.5	451	0.3	3,491	13.3	1.4	55.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	94.1	-0.7%	0.7	15,568	5.8	1,688	55.7	4.0	14.8%	7.4%
VRE	Bất động sản	27.2	1.5%	1.1	2,687	2.8	1,195	22.8	2.0	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	106.9	0.0%	1.0	15,568	40.8	9,941	10.8	3.7	23.5%	39.9%
DXG	Bất động sản	22.3	2.8%	1.3	501	6.5	1,586		1.4	28.4%	11.0%
SSI	Chứng khoán	62.4	2.0%	1.5	1,777	33.1	2,817	22.1	3.6	47.0%	16.5%
VCI	Chứng khoán	60.9	1.8%	1.0	882	13.2	4,384	13.9	3.8	19.9%	25.4%
HCM	Chứng khoán	55.5	3.7%	1.6	736	12.2	2,899	19.1	3.5	48.1%	19.4%
FPT	Công nghệ	92.2	0.2%	0.9	3,638	6.0	4,234	21.8	5.0	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	87.3	1.5%	0.4	1,246	0.2	4,304	20.3	6.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	87.5	0.6%	1.3	7,281	3.0	4,077	21.5	3.6	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	49.6	0.1%	1.5	2,680	1.8	3,090	16.0	2.6	17.7%	17.4%
PVS	Dầu khí	25.2	2.0%	1.7	524	7.0	1,160	21.7	1.0	7.3%	4.5%
BSR	Dầu khí	18.2	3.4%	0.8	2,453	5.2	(909)		1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	108.6	7.0%	0.3	617	0.5	5,761	18.9	4.2	54.5%	22.8%
DPM	Hóa chất	36.4	-1.2%	0.8	618	11.9	2,903	12.5	1.7	11.2%	13.6%
DCM	Hóa chất	24.6	0.0%	0.7	566	6.7	1,169	21.0	1.9	2.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	99.3	1.5%	1.1	16,013	5.2	5,534	17.9	3.5	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.5	1.9%	1.3	6,899	2.4	2,464	16.0	2.0	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.3	3.7%	1.4	6,749	18.3	3,417	9.5	1.7	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	61.6	0.7%	1.2	6,615	10.9	5,052	12.2	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.4	1.4%	1.2	4,665	19.5	2,764	10.3	2.0	22.4%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.2	1.3%	1.0	3,777	11.2	3,589	9.0	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.6	0.4%	0.7	191	0.1	4,762	11.3	1.9	84.0%	16.4%
NTP	Nhựa	49.8	-2.0%	0.4	255	0.1	4,085	12.2	2.2	18.9%	18.3%
MSR	Tài nguyên	20.4	5.2%	0.7	975	0.6	39	523.1	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	48.7	2.3%	1.1	9,471	35.7	5,616	8.7	3.0	26.4%	39.8%
HSG	Thép	39.7	3.8%	1.4	844	18.4	7,745	5.1	2.0	10.8%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	87.4	0.5%	0.6	7,942	16.4	4,572	19.1	5.8	54.9%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	147.2	-0.9%	0.8	4,104	0.8	7,293	20.2	4.5	62.5%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	132.6	-2.4%	0.9	6,806	15.9	1,787	74.2	7.3	33.2%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	22.6	4.4%	1.2	606	8.2	1,070	21.1	1.8	8.7%	8.5%
ACV	Vận tải	79.1	2.5%	0.8	7,487	0.6	577	137.1	4.6	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	126.9	0.1%	1.1	2,988	6.7	290		4.0	18.0%	1.0%
HVN	Vận tải	21.5	1.7%	1.7	2,074	0.6	(7,377)		26.8	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	51.8	1.4%	1.0	679	7.7	1,357	38.2	2.5	41.2%	6.7%
PVT	Vận tải	22.0	0.2%	1.4	310	3.9	2,340	9.4	1.5	14.3%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	124.0	3.2%	0.9	863	4.7	9,519	13.0	4.7	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.8	4.8%	0.4	698	7.0	2,098	17.1	2.5	5.1%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	21.6	3.8%	0.9	358	3.9	1,653	13.1	1.5	3.0%	11.3%
CTD	Xây dựng	69.1	4.2%	1.0	222	3.5	2,005	34.5	0.6	43.6%	1.8%
CII	Xây dựng	18.3	5.8%	0.6	190	2.5	69	264.1	0.9	22.4%	0.3%
REE	Điện	65.0	0.0%	-1.4	873	2.9	5,807	11.2	1.6	49.0%	15.8%
PC1	Điện	34.6	1.6%	-0.4	288	4.4	2,414	14.3	1.6	8.6%	12.9%
POW	Điện	12.0	0.4%	0.6	1,217	6.8	1,090	11.0	0.9	3.0%	8.8%
NT2	Điện	20.9	2.0%	0.5	261	1.1	1,093	19.1	1.5	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	40.2	1.9%	1.1	820	22.8	1,794	22.4	1.8	18.5%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	44.5	2%	1.0	2,003	0.2			3.0	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	99.30	1.53	1.50	1.22MLN
CTG	32.30	3.69	1.49	13.24MLN
HPG	48.70	2.31	1.33	17.00MLN
TCB	49.20	2.39	1.09	12.30MLN
BID	39.45	1.94	0.81	1.41MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-1.05	2.70MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.64	1.41MLN	607060
SAB	0.00	-0.23	117800	373600
LGC	0.00	-0.06	600	192700
DPM	0.00	-0.05	7.39MLN	611640

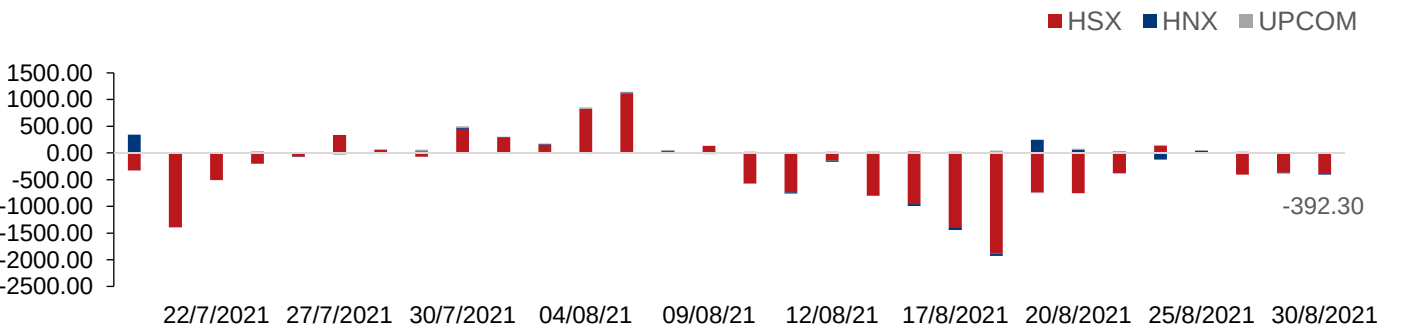
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GIL	64.20	7.00	0.04	1.16MLN
TDW	37.45	7.00	0.01	3500
PDN	93.30	7.00	0.03	400
DHG	108.60	7.00	0.25	109300
TTA	15.30	6.99	0.04	2.77MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	10.40	-6.31	-0.01	1600
CMV	13.50	-4.93	0.00	100
CCI	19.60	-4.39	0.00	200.00
PTC	9.12	-4.30	0.00	200
DC4	14.00	-3.11	0.00	166300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.2	3,589	9.0	2.2	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	79.1	577	137.1	4.6	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	31.8	1,686	18.9	1.7	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	12.0	600	20.0	1.1	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.0	-411		0.8	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	44.0	3,949	11.1	1.8	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.3	3,417	9.5	1.7	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	24.6	1168.9	21.0	1.9	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	115.0	5,868	19.6	4.4	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	85.3	4,602	18.5	5.4	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	41.8	4,905	8.5	2.2	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	36.4	2,903	12.5	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.6	2,868	12.1	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	22.3	1,586		1.4	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	19.8	717	27.6	1.2	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	92.2	4,234	21.8	5.0	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	34.5	3,617	9.5	2.7	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.6	1,180	31.9	3.1	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	48.7	5,616	8.7	3.0	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	39.7	7,745	5.1	2.0	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	21.6	1,653	13.1	1.5	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	9.2	-1,169		0.9	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	39.5	1,966	20.1	2.8	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	50.0	6,776	7.4	1.8	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.3			1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.9	6,544	12.2	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	110.6	6,428	17.2	4.3	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	43.5	3,926	11.1	1.9	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	34.6	2,414	14.3	1.6	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	39.0	2,380	16.4	2.4	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	86.4	5,812	14.9	3.4	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.0	1,090	11.0	0.9	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.8	0	852.8	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.2	1,160	21.7	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.6	1,070	21.1	1.8	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	38.5	1,064	36.2	3.9	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	48.1	15635.6	3.1	1.3	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.2	4,613	10.7	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.3	5,534	17.9	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.5	570	36.0	1.7	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	50.0	4,035	12.4	1.7	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	106.9	9,941	10.8	3.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	61.6	5,052	12.2	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.2	1,195	22.8	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	81.9	3,256	25.2	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639